TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06-3-2018.
Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Bích Huế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Lượng;
2. Ông Đào Văn Nô.

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thuyến – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bồ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 499/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2018/QĐHPT-HNGĐ ngày 12/02/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông N T L, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 647, ấp An Thạnh, xã Mỹ An Hưng B, huyện LV, tỉnh B, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà T T H, sinh năm 1981; địa chỉ thường trú: Ấp 2, xã Minh Lập, huyện C T, tỉnh B P; địa chỉ tạm trú: Tổ 3, khu phố An Thành, phường T H, thị xã T U, tỉnh B D, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/11/2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Luân trình bày:

Ông L và bà T T H tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau được khoảng 01 năm thì quyết định chung sống với nhau từ năm 2009, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ An Hưng B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp ngày 30/12/2009. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2016 đến nay, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Ông Luân và bà Hương hiện đã sống ly thân khoảng 9 tháng. Do tình cảm

vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông N T L yêu cầu được ly hôn với bà T T H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Phúc A, sinh ngày 24/4/2011 và Nguyễn Ngọc N Y, sinh ngày 04/01/2016. Khi ly hôn, ông yêu cầu bà T T H trực tiếp nuôi con chung, ông L cấp dưỡng nuôi hai con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu A và cháu Y đủ 18 tuổi.

Bản tự khai ngày 05/01/2018, nguyên đơn ông N T L có yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nguyễn Phúc A, giao cháu Nguyễn Ngọc Như Y cho bà T T H nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông N T L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn với bà H; đề nghị được giao con chung là cháu Nguyễn Phúc A và Nguyễn Ngọc Như Y cho bà T T H nuôi dưỡng, ông L cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu A và cháu Y đủ 18 tuổi; không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn bà T T H được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên toà nhưng bà H vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông L.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên toà sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Luân về việc xin ly hôn với bà H; giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 04/01/2016 và cháu Nguyễn Phúc A, sinh ngày 24/4/2011 cho bà T T H trực tiếp nuôi dưỡng; ông L phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về việc vắng mặt bị đơn bà T T H: Bà H đã được Tòa án triệu tập để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lúc 08 giờ 00 phút ngày 04/01/2018 và 24/01/2018, triệu tập tham gia phiên tòa lúc 09 giờ 00 phút ngày 12/02/2018, 06/3/2018, nhưng bà H vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà H.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông N T L và bà T T H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ An Hưng B, huyện L V, tỉnh Đ T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 170, quyển số 01/2009 ngày 30/12/2009, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Về mâu thuẫn vợ chồng: Ông L xác định quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Ông L và bà H hiện đã sống ly thân khoảng 9 tháng. Vì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông L yêu cầu được ly hôn. Bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để hoà giải, tham gia phiên toà nhưng bà H vẫn vắng mặt, điều này cho thấy bà H hoàn toàn không có thiện chí để Tòa án hòa giải, vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng ông L và bà H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông L yêu cầu được ly hôn với Hương là có cơ sở chấp nhận.

[4]. Về con chung: Ông L và bà H có 02 con chung tên Nguyễn Phúc A, sinh ngày 24/4/2011 và Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 04/01/2016. Theo đơn khởi kiện ngày 29/11/2017, ông L yêu cầu giao con cho vợ nuôi. Hội đồng xét xử xét thấy, Nguyễn Ngọc Như Y dưới 36 tháng tuổi nên căn cứ Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần giao con cho bà H nuôi dưỡng; cháu Nguyễn Phúc A đã trên 6 tuổi hiện cũng đang sống với bà H. Bà H cũng không có ý kiến về việc giao con cho ông L nuôi dưỡng. Do đó, việc ông L yêu cầu giao con cho bà H nuôi dưỡng là có căn cứ chấp nhận.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông L đề nghị được cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Phúc A và cháu Như Y đủ 18 tuổi. Đề nghị cấp dưỡng nuôi con của ông L là có căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 92 Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[7]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8]. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các Điều 26, 35, 92, 147, 227, 228, 266, 271, 273 và 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N T L về việc xin ly hôn với bà T T H như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông N T L được ly hôn với bà T T H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phúc A, sinh ngày 24/4/2011 và cháu Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 04/01/2016 cho bà T T H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông N T L có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng) cho đến khi cháu Nguyễn Phúc A, Nguyễn Ngọc Như Y đủ 18 tuổi. Việc ông L thực hiện nghĩa cấp dưỡng nuôi con bắt đầu từ tháng 3/2018.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông N T L và bà T T H đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông N T L phải nộp 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) gồm 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0013551, ngày 11/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, ông Luân có nghĩa vụ nộp thêm 300.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Ông N T L có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bà T T H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9

của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THA Dân sự thị xã Tân Uyên;
- UBND xã Mỹ An Hưng B, huyện L V, tỉnh Đ T;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Bích Huế